

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2022/HNGĐ – ST

Ngày: 10/6/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Phan Thị Thanh Dung.

+ Ông Dương Minh Ngọc.

Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Thức – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 79/2022/TLST – HNGĐ ngày 21/4/2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2022/QĐXXST – HNGĐ ngày 18/5/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2022/QĐST – HNGĐ, ngày 30/5/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Mai Thị Th, sinh năm 1990.

- Bị đơn: Ông Lê Thanh T, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Mai Thị Th trình bày:

+ Về hôn nhân: Bà và ông Lê Thanh T tự nguyện tìm hiểu đến với nhau, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND xã Tam Quang, huyện Núi Thành. Hai người sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do hai người không hợp nhau trong cuộc sống nên thường xuyên cãi vã. Nguyên nhân chính của việc hôn nhân đổ vỡ là do ông T đam mê cờ bạc, dẫn đến nợ nần, nhiều lần giang hồ đe dọa, buộc bà phải trả tiền nên bà phải ra riêng sống để bảo đảm tính mạng. Trước đây, bà đã từng gửi đơn ly hôn, được Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ và bà rút đơn khởi kiện mong rằng chồng sẽ thay đổi. Tuy nhiên, sau đó thì mâu thuẫn vợ chồng càng trầm trọng thêm, chồng hăm dọa không cho

con ăn, giết con, để gây áp lực ngăn cản bà ly hôn. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T.

+ Về con chung: Hai người có một con chung tên là Lê Mai Thanh Nh, sinh ngày 22/12/2016, còn nhỏ nên bà Th yêu cầu được nuôi cháu Nh đến đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Bà Th không yêu cầu giải quyết.

- *Bị đơn ông Lê Thanh T trình bày:*

+ Về hôn nhân: Về thời điểm vợ chồng chung sống và kết hôn, con chung, tài sản chung, ông đồng ý như phần trình bày của bà Th. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trước đây ông có chơi bài bạc. Ông đã cố gắng sửa sai và mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi con. Tại phiên tòa, nếu bà Th nhất quyết ly hôn thì ông đồng ý.

+ Về con chung: Ông yêu cầu được nuôi con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu bà Th cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Ông T không yêu cầu giải quyết.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành trình bày ý kiến:*

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Cuộc sống hôn nhân giữa bà Th, ông T có xảy ra mâu thuẫn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, yêu cầu của bà Th có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thị Th với ông Lê Thanh T; Giao con chung là Lê Mai Thanh N, sinh ngày 22/12/2016 cho bà Mai Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết. Nguyên đơn chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định của pháp luật;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tham gia tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Lê Thanh T, có địa chỉ nơi cư trú tại: thôn A, xã T, huyện N. Vì vậy, yêu cầu tại đơn khởi kiện của chị Th thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Núi Thành theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ các đương sự để tham gia các phiên họp, phiên hòa giải. Sau khi hòa giải để các bên

đoàn tụ nhưng không thành nên đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Th, ông Lê Thanh T tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Tam Quang, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam năm 2014. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Th với ông T là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, giữa hai người xảy ra xung đột, nguyên nhân chính là do ông T chơi bài bạc nên dẫn đến mâu thuẫn và cả hai đã sống ly thân một thời gian. Bà Th đã đưa đơn ly hôn và được Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, sau khi đoàn tụ, hai người không khắc phục được mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn. Hội đồng xét xử nhận thấy: Tình trạng hôn nhân giữa hai người đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của bà Mai Thị Th là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, ông T đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Th nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi dưỡng con: Hai người có một con chung là Lê Mai Thanh Nh, sinh ngày 22/12/2016, cả hai đều có nguyện vọng nuôi và không yêu cầu người kia cấp dưỡng.

Xét điều kiện nuôi dưỡng: Bà Th, ông T đều có thu nhập ổn định đảm bảo nuôi con chung. Tuy nhiên, cháu Nh là con gái, còn nhỏ nên rất cần sự quan T, chăm sóc của người mẹ, nhất là sự thấu hiểu về T sinh lý của con gái cho đến tuổi trưởng thành. Ông T là công nhân Công ty thép Hòa Phát tại Quảng Ngãi, công việc theo ca, nên thời gian nuôi dưỡng, chăm sóc con chung có phần hạn chế. Bà Th là Nhân viên hành chính Bệnh viện Đa khoa TW Quảng Nam, Thời gian làm việc từ 07 giờ đến 17 giờ cùng ngày nên đảm bảo thời gian, có nhà ở công vụ nên điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nh tốt hơn. Do đó cần giao cháu Nh cho bà Th nuôi dưỡng là phù hợp với quy định khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà Th không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Bà Th, ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí hôn nhân – gia đình sơ thẩm: Bà Th phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 48, khoản 4 Điều 147, Điều 235, Điều 264, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 85 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Mai Thị Th và ông Lê Thanh T.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Thanh T phải giao con chung Lê Mai Thanh Nh, sinh ngày 22/12/2016 cho bà Mai Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Ông Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, khi cần thiết theo yêu cầu của một bên hoặc của hai bên thì Toà án có thể quyết định cho thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, nợ chung và cho mượn nợ chung: Bà Th, ông T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Th phải chịu là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Th đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011058 ngày 21/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tam Quang;
- TAND tỉnh Quảng Nam
- Các đương sự
- lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Thắng